TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 18-02-2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phan Thị Trang Phượng;
Ông Nguyễn Quốc Thống.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ẩn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021 và ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp tiền trong hợp đồng thế chấp vuông tôm và tiền mượn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1966 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ..
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956 (vắng mặt).
Chị Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ..
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ban quản lý rừng phòng hộ Tam G. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C ..
Bà Phan Thị N212, sinh năm 1957 (vắng mặt).
Anh Nguyễn Thanh T2 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2020, cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/3/2018, chị Nguyễn Thị Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn M vay ông T số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn là 02 năm, thỏa thuận lãi suất là 8%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông M và chị N1 có làm hợp đồng thế chấp nhưng thực tế ông N212 chỉ cất giữ Hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất do chị N1 đứng tên nhận giao khoán, chứ ông N212 không canh tác hay quản lý phần đất.

Sau đó, ngày 03/5/2019 ông M và chị N1 ký nhận vay số tiền là 143.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 6%/năm, thỏa thuận trả hàng tháng từ 5 đến 10 triệu đồng.

Tuy nhiên, từ ngày vay tiền cho đến nay thì chị N1, ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như thanh toán lãi suất theo như thỏa thuận.

Nay ông N212 khởi kiện buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả tổng số tiền vay còn nợ là 743.000.000 đồng. Ngoài ra ông N212 không yêu cầu gì khác.

Tại hợp đồng thế chấp, bà N212 có ký tên nhưng ông N212 không đặt ra yêu cầu bà N212 trả nợ do bà N212 chỉ ký tên vì có mặt chứng kiến.

- Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án; đối với chị Nguyễn Thị Mỹ N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, hết thời hạn theo quy định nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Phan Thị N212, anh Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, hết thời hạn theo quy định nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngày 31/3/2021, Ban quản lý rừng phòng hộ Tam G có văn bản số 05/BQLTG cung cấp thông tin đất nhận khoán với nội dung: Các cá nhân nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất không được ký kết hợp đồng thế chấp, cho thuê, cầm cố và chuyển nhượng thành quả lao động dưới mọi hình thức. Trường hợp ông Phan Thị N212 và ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Mỹ N1 đã tự thỏa thuận ký hợp đồng thế chấp với nhau, sau khi xảy ra tranh chấp ông N212 có đến báo với đơn vị và đề nghị giải quyết; tuy nhiên thẩm quyền không thuộc Ban quản lý rừng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông M và chị N1 liên đới trả tổng số tiền vay còn nợ cho ông N212 là 743.000.000 đồng; án phí ông M và chị N1 chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Ông T khởi kiện ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Mỹ N1 thanh toán khoản tiền vay còn nợ, tuy lập hợp đồng thế chấp vuông tôm nhưng nguyên đơn xác định hợp đồng thế chấp lập ra nhằm đảm bảo cho khoản vay và nguyên đơn cũng không canh tác, quản lý gì phần đất nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông M, chị N1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông M, chị N1, bà N212, anh T2, Ban quản lý rừng phòng hộ Tam G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự là có cơ sở.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông N212 yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền vay còn nợ là 743.000.000 đồng. Ngoài ra ông N212 không yêu cầu gì khác. Ông N212 cung cấp cho Tòa án 01 "*HỢP ĐỒNG V/v thế chấp vuông tôm*" ngày 25/3/2018 và 01 "*GIẤY MƯỢN TIỀN*" ngày 03/5/2019.

Ông M nhận trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có ý kiến phản hồi khởi kiện của ông N212.

Do bị đơn cố tình trốn tránh nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của bị đơn Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Mỹ N1. Tòa án tiến hành thu thập mẫu so sánh là hồ sơ vay vốn của khách hàng Nguyễn Văn M tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Năm Căn ngày 28/9/2021, hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 30/01/2019 đã giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn (nguyên đơn là Ngô Ngọc Bắc, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N1), hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất đứng tên Nguyễn Thị Mỹ N1 và các biên bản tống đạt trực tiếp cho ông M trong hồ sơ đang giải quyết này để trưng cầu giám định chữ ký chữ viết họ tên ông M, chị N1.

Tại kết luận giám định số 11/GĐ-PC09 ngày 04/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

- Chữ ký, chữ viết họ tên "**Nguyễn Thị Mỹ N1**" dưới mục "**BÊN A**"; "**Người mượn**" trên "**HỢP ĐỒNG V/v thế chấp vuông tôm**" ngày 25/3/2018; "**GIẤY MƯỢN TIỀN**" ngày 03/5/2019 (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên "**Nguyễn Thị Mỹ N1**" dưới mục "**Đại diện bên nhận khoán**"; "**NGƯỜI GIAO NỘP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ**"; "**Người khai**"; "**Người làm bản trình bày**"; "**CÁC ĐƯƠNG SỰ THAM GIA PHIÊN HỌP**"; "**CÁC**

ĐƯƠNG SỰ THAM GIA HÒA GIẢI” trên các tài liệu: “**TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT**” ngày 02/10/2014; “ **BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI LIỆU CHỨNG CỨ**” ngày 05/4/2019; “**BẢN TỰ KHAI BỔ SUNG**” ngày 05/4/2019; “**NGƯỜI TRÌNH BÀY Ý KIẾN**” ngày 18/3/2019; “**BIÊN BẢN VỀ KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP, TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ**” ngày 17/4/2019; “**BIÊN BẢN HÒA GIẢI THÀNH**” ngày 19/4/2019; “**BIÊN BẢN HÒA GIẢI**” ngày 19/4/2019 (Ký hiệu từ M1 đến M7) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Thị Mỹ N1**” dưới mục “**Người xin giao khoán đất**”; “**ĐẠI DIỆN BÊN B**”; “**Đại diện bên nhận khoán**” trong “**HỒ SƠ GIAO NHẬN KHOÁN RỪNG VÀ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT**” số 214, hộ nhận khoán Nguyễn Thị Mỹ N1, tháng 12/2014 (Ký hiệu M8) **là do cùng một người ký và viết ra**.

- Chữ ký, chữ viết họ tên “**nguyên văn Mai**”; “**nguỹen văn Mai**” dưới mục “**BÊN A**”; “**Người mượn**” trên “**HỢP ĐỒNG V/v thế chấp vuông tôm**” ngày 25/3/2018; “**GIẤY MƯỢN TIỀN**” ngày 03/5/2019 (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên “**nguyên văn Mai**”; “**nguỹen văn Mai**”; “**nguyen văn mai**”; “**nguyn văn mai**”; **nguỹen văn Mai**”; **nguyên văn Mai**” dưới mục “**Người nhận thay**”; “**Người được tống đạt**”; “**BÊN VAY**”; “**NGƯỜI VAY**”; “**ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**”; “**CHỮ KÝ KHÁCH HÀNG**” trên các tài liệu: 04 (bốn) “**BIÊN BẢN TỐNG ĐẠT**” ngày 13/6/2021; 04 (bốn) “**BIÊN BẢN TỐNG ĐẠT**” ngày 23/6/2021; 04 (bốn) “**BIÊN BẢN TỐNG ĐẠT**” ngày 25/6/2021; “**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT GIẢI NGÂN KIÊM GIẤY NHẬN NỢ**” ngày 28/9/2021; “**BẢNG KÊ SỬ DỤNG VỐN**” ngày 28/9/2021; “**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN**” ngày 29/8/2019; “**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**” ngày 29/8/2019; “**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**” ngày 29/8/2019 (Ký hiệu từ M9 đến M25) **là do cùng một người ký và viết ra**.

[3] Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Mỹ N1 ký nhận nợ ông N212 số tiền vay trong **“HỢP ĐỒNG V/v thế chấp vuông tôm**” ngày 25/3/2018; “**GIẤY MƯỢN TIỀN**” ngày 03/5/2019 là thực tế xảy ra. Việc ông M, chị N1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thị N212. Buộc ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Mỹ N1 liên đới thanh toán cho ông Đỗ Anh T tổng số tiền vay còn nợ là 743.000.000 đồng.

Ông T đã nộp cho Tòa án bản gốc hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 214, người nhận khoán là Nguyễn Thị Mỹ N1 nên giao lại cho chị N1 hồ sơ này là phù hợp.

[4] Chi phí giám định: Ông T đã dự nộp 5.870.000 đồng nên buộc ông M và chị N1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông N212 theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[5] Đối với bà Phan Thị N212 ký tên trong hợp đồng thế chấp vuông tôm nhưng nguyên đơn không đặt ra vấn đề trách nhiệm vì nguyên đơn xác định thực tế việc giao nhận tiền chỉ có ông M và chị N1, ông N212 giao dịch trực tiếp với ông M và chị N1; bà N212 ký tên với tư cách người thân chứng kiến sự việc nên ông N212 không yêu cầu bà N212 chịu trách nhiệm liên đới; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là có cơ sở.

[6] Anh Nguyễn Thanh T2 tuy có tên trong phần đại diện gia đình nhưng không ký tên vào hợp đồng; nguyên đơn trình bày do ông T2 canh tác trên đất nên để tên cho hợp lệ giấy tờ, thực tế là tranh chấp vay tiền và anh T2 không liên quan. Hiện nay, anh T2 đang là người đang trực tiếp canh tác phần đất; Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn cũng không yêu cầu anh T2 có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của ông N212 được chấp nhận toàn bộ nên ông M và chị N1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 33.720.000 đồng. Ông M là người cao tuổi nên được miễn phần án phí của ông M. Còn lại chị N1 nộp 16.860.000 đồng.

Ông N212 được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đỗ Anh T khởi kiện ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Mỹ N1.

Buộc ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Mỹ N1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T tổng số tiền vay còn nợ là 743.000.000 đồng.

Giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ N1 sổ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 214 khoảnh 45, tiểu khu 139, thửa đất số 129+132 diện tích

88624.3+1659.5m^2 tờ bản đồ địa chính số 12 đứng tên Nguyễn Thị Mỹ N1 tọa lạc ấp Mai Vinh, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

2. Chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Mỹ N1 liên đới hoàn trả lại cho ông T số tiền là 5.870.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Chị Nguyễn Thị Mỹ N1 chịu là 16.860.000 đồng.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, ông T dự nộp tạm ứng án phí số tiền 16.860.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007512 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đinh Thị Thùy Linh